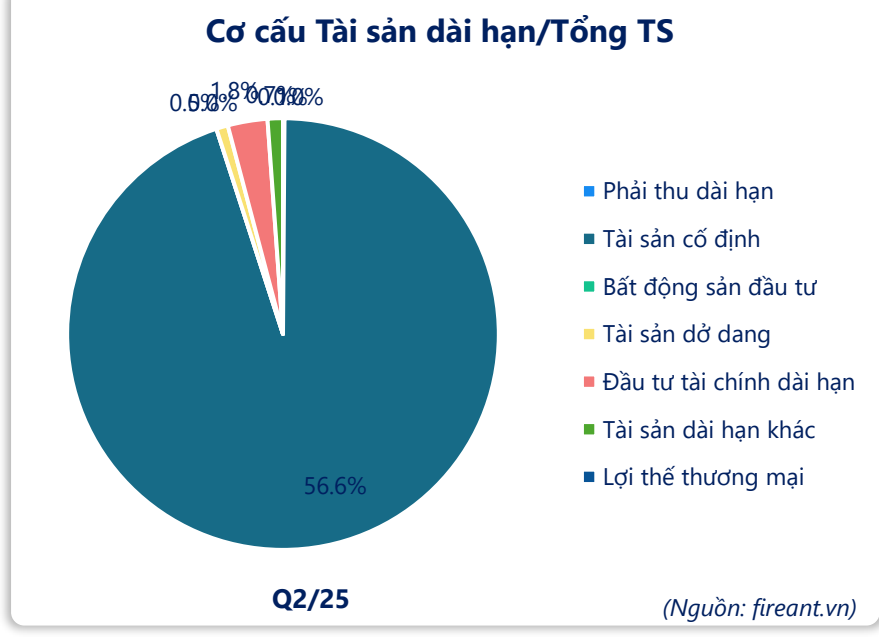
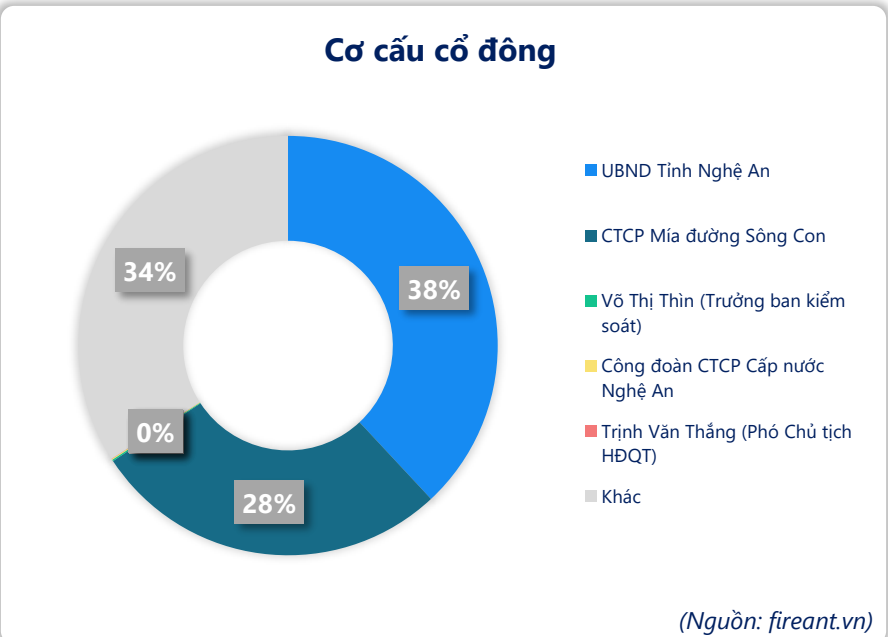
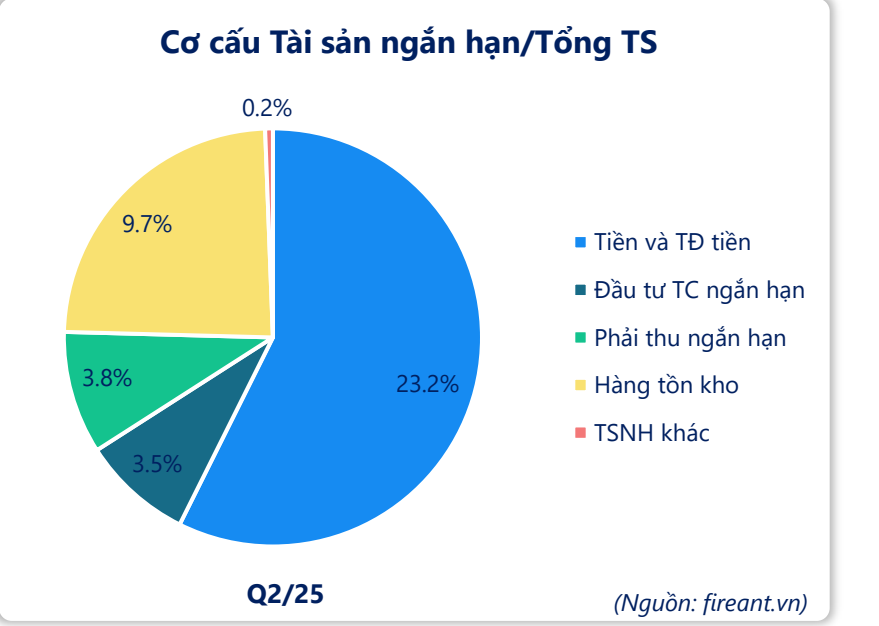
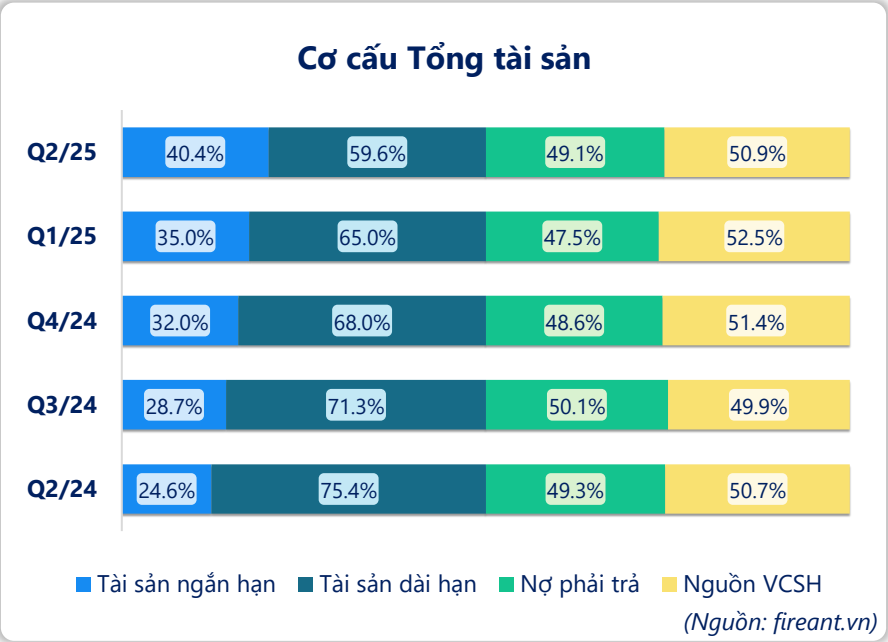
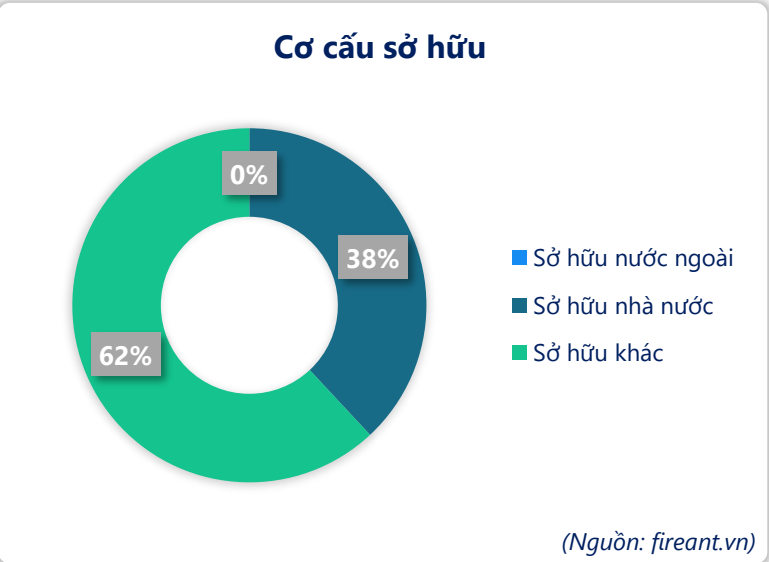
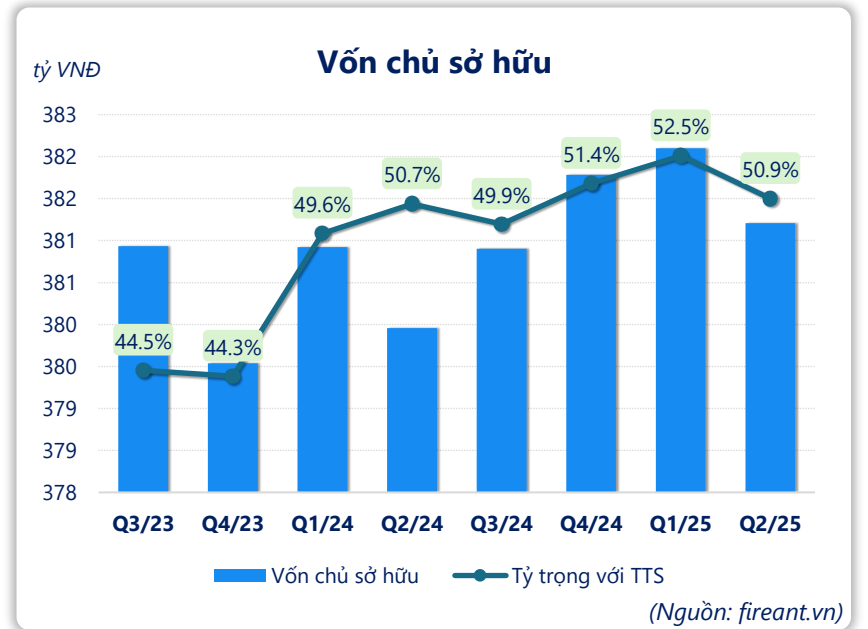
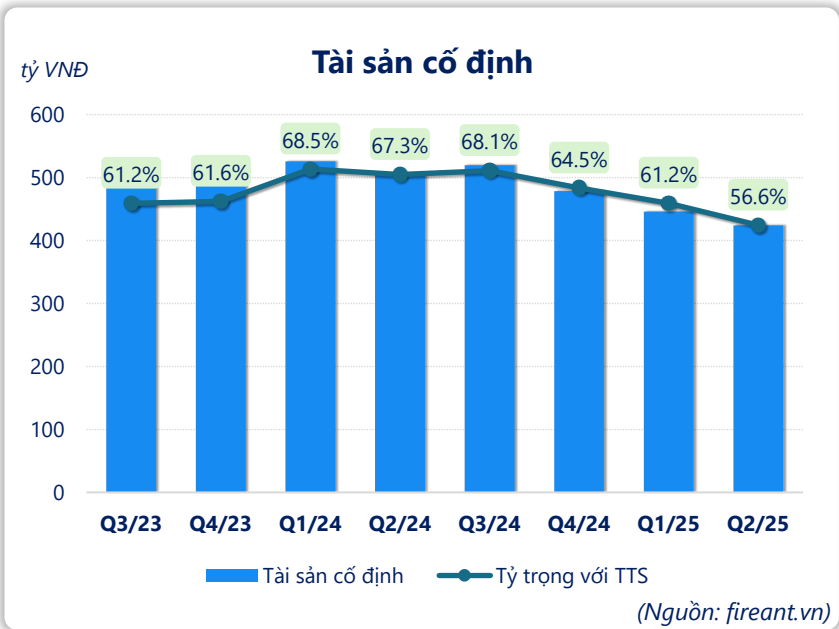
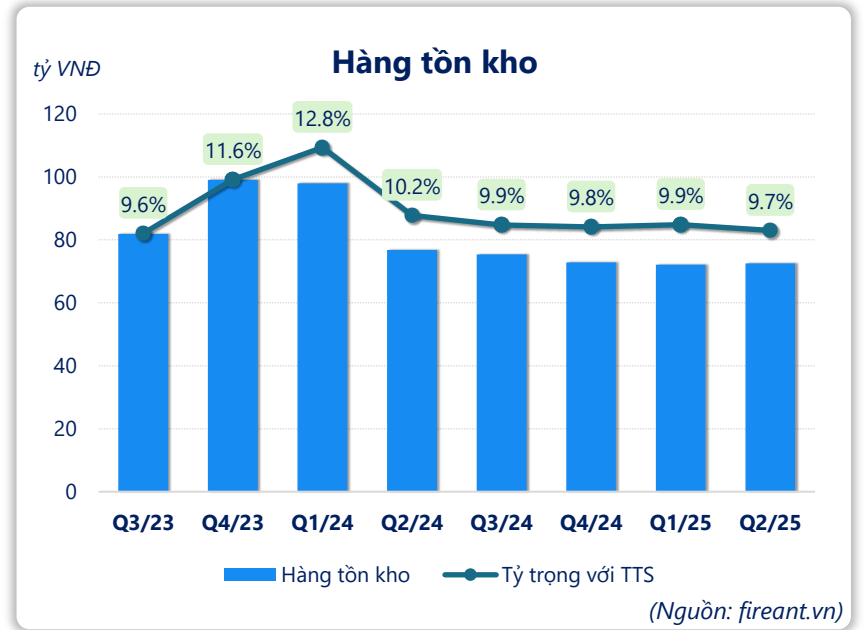
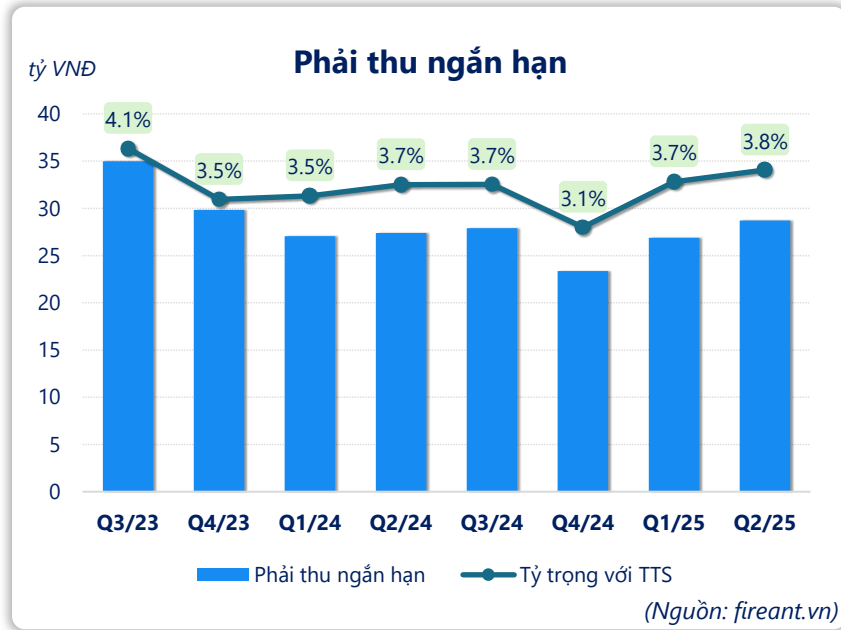
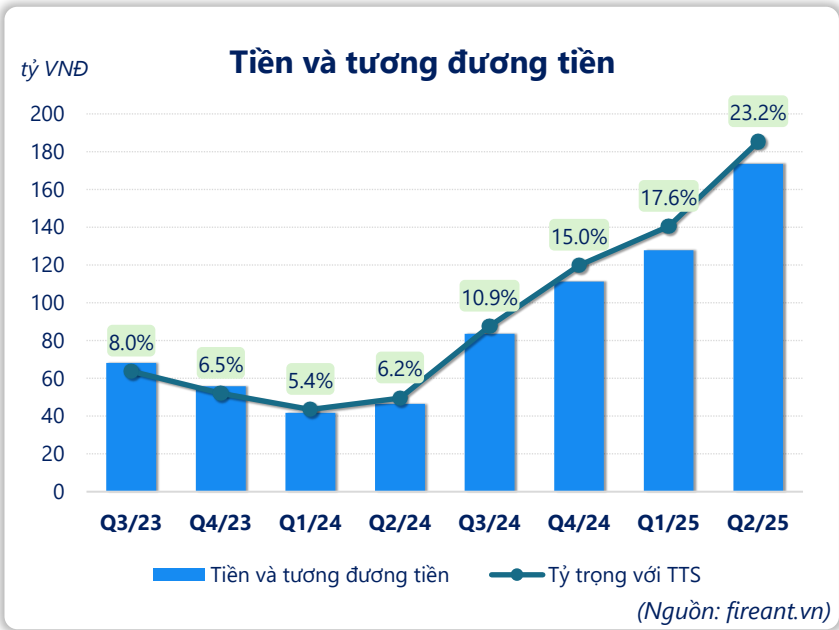
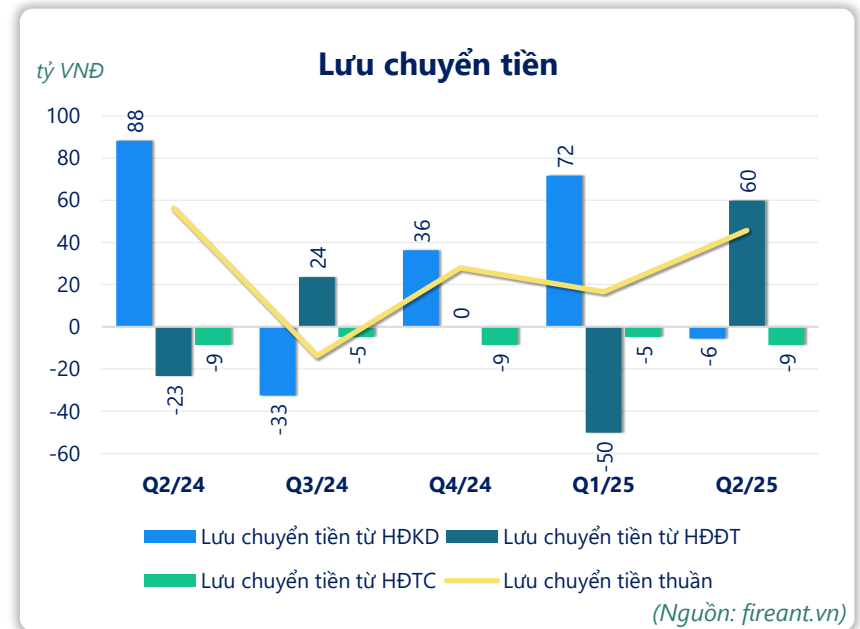
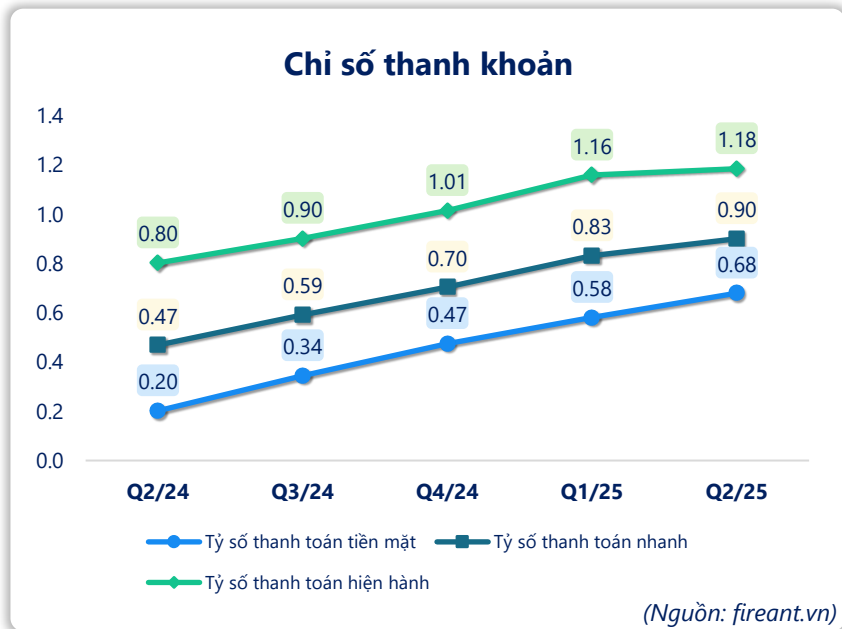
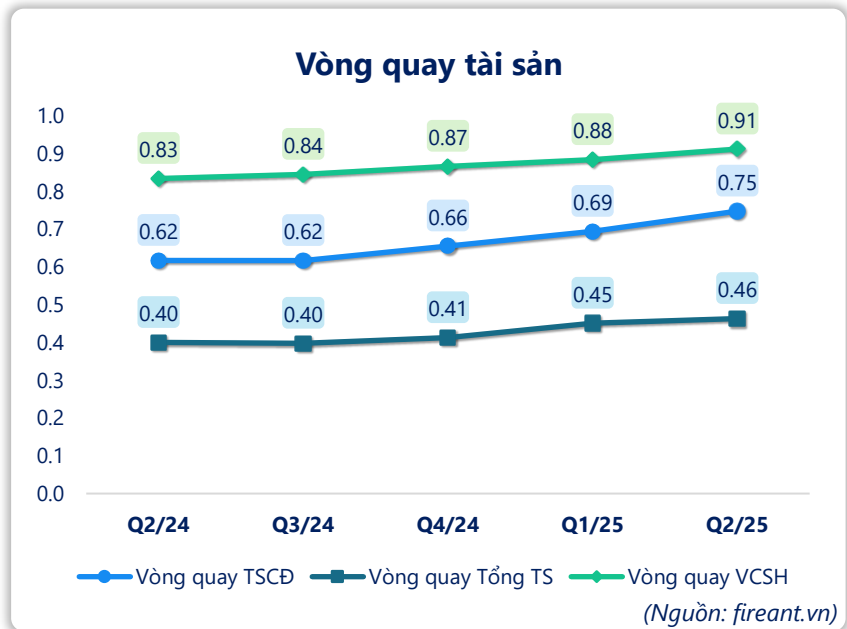
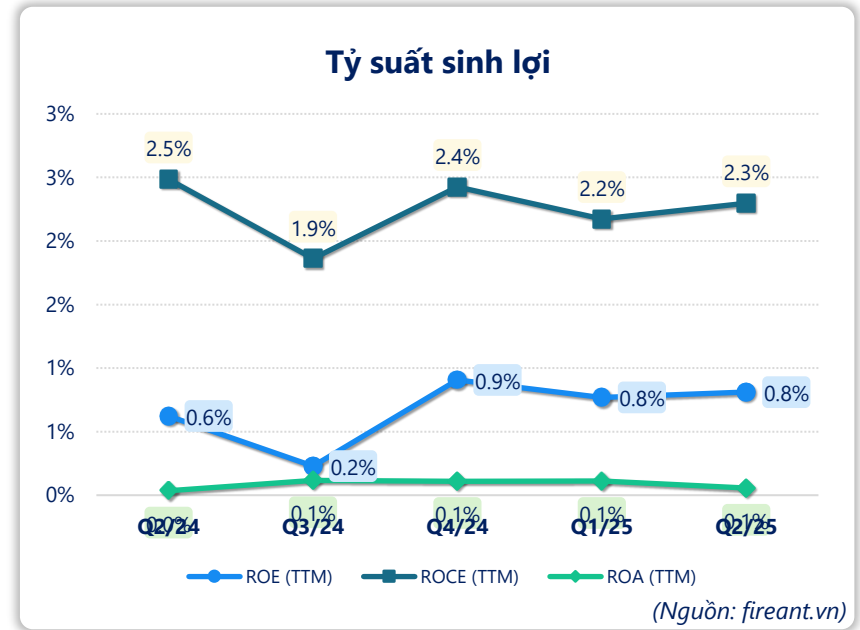
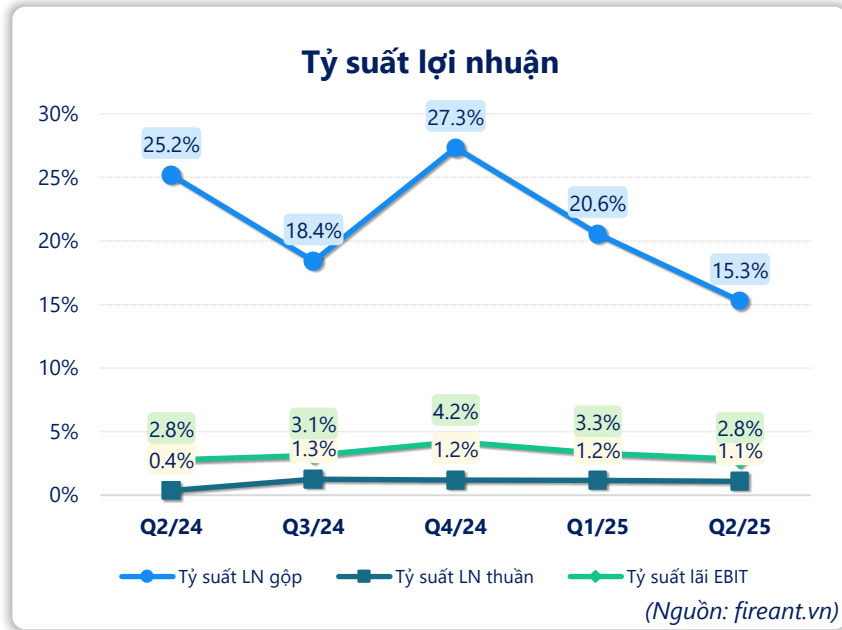
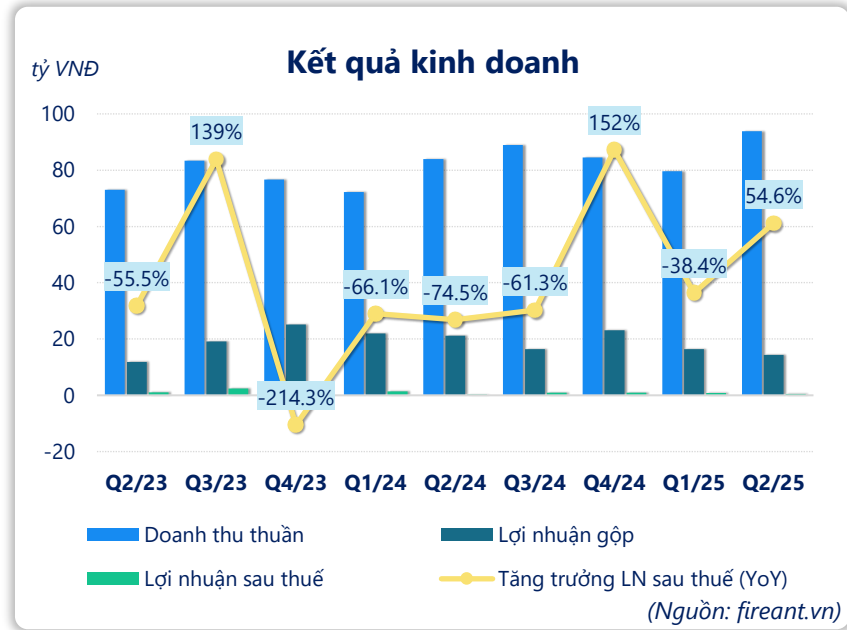


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,700
SL cổ phiếu LH		37,385,983
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		348
P/E		112.7
EPS		83

	YTD	1T	3T	6T
NAW	17.7%	14.8%	14.8%	17.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	749	743	0.9%
Tài sản ngắn hạn	302	239	26.6%
Tiền và tương đương tiền	173	111	56.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.9	25.9	0.0%
Phải thu ngắn hạn	28.7	24.5	17.2%
Hàng tồn kho	72.5	72.8	-0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.80	4.45	-59.4%
Tài sản dài hạn	447	504	-11.3%
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản cố định	424	478	-11.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.89	6.29	-38.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.3	13.4	-0.9%
Tài sản dài hạn khác	5.12	5.39	-5.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	368	361	1.8%
Nợ ngắn hạn	255	235	8.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.6	26.7	-0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.2	54.0	-22.0%
Nợ dài hạn	113	126	-10.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	113	126	-10.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	381	381	0.0%
Vốn chủ sở hữu	381	381	0.0%
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	84.0	89.0	84.6	79.7	93.9
Giá vốn hàng bán	62.8	72.6	61.4	63.3	79.5
Lợi nhuận gộp	21.2	16.4	23.1	16.4	14.3
Doanh thu HĐTC	0.71	0.13	0.90	0.10	1.26
Chi phí TC	2.09	1.61	2.45	1.60	2.24
Chi phí lãi vay	1.98	1.61	2.45	1.60	2.11
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.85	3.97	4.22	4.25	3.78
Chi phí QLDN	14.6	9.80	16.3	9.71	8.56
LN thuần từ HĐKD	0.31	1.12	1.02	0.92	1.04
Lợi nhuận khác	0.04	0.06	0.08	0.11	-0.50
LN trước thuế	0.35	1.18	1.10	1.04	0.54
Lợi nhuận sau thuế	0.28	0.94	0.88	0.83	0.43
LNST của CĐ cty mẹ	0.28	0.94	0.88	0.83	0.43

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	88.1	-32.5	36.2	71.6	-5.57
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.3	23.6	0.24	-50.2	59.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.56	-4.78	-8.56	-4.78	-8.60
Tiền đầu kỳ	66.6	47.6	109	137	154
Lưu chuyển tiền thuần	56.3	-13.7	27.9	16.6	45.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.6	109	137	154	173

(Nguồn: fireant.vn)